HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:17/2009/NQ-HĐND	*Đông Hà, ngày 30 tháng 7 năm 2009*

NGHỊ QUYẾT

Về Tổ chức mạng lưới Thú y cơ sở; Phát triển một số giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản chủ lực giai đoạn 2010- 2015 và phát triển chăn nuôi tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2010- 2015, định hướng đến năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 7 (Khóa X) về Nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Pháp lệnh Giống cây trồng năm 2004, Pháp lệnh Giống vật nuôi năm 2004, Pháp lệnh Thú y năm 2004 và Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; Quyết định số 10/2008/QĐ-TTg ngày 16/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020;

Xét Tờ trình số 1862/TTr-UBND ngày 10/7/2009 của UBND tỉnh về Đề nghị thông qua 3 đề án Tổ chức mạng lưới thú y cơ sở; Phát triển một số giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản chủ lực giai đoạn 2010- 2015 có tính đến năm 2020 và Đề án Phát triển chăn nuôi tỉnh Quảng Trị đến năm 2015 có tính đến năm 2020; Tờ trình số 2021/TTr-UBND ngày 22/7/2009 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế- Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án về "Tổ chức mạng lưới Thú y cơ sở; Phát triển một số giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản chủ lực và Phát triển chăn nuôi tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2010- 2015 có tính đến năm 2020" với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Góp phần phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực; duy trì nhịp độ tăng giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân đạt 4- 4,5%/năm; Phát triển chăn nuôi tập trung theo hướng quy mô trang trại, gia trại, công nghiệp, bán công nghiệp và đảm bảo an toàn dịch bệnh. Phấn đấu

tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 35% vào năm 2015 và khoảng 40% vào năm 2020.

2. Mục tiêu cụ thể

Về mạng lưới Thú y cơ sở: Phấn đấu đến năm 2010 đảm bảo tất cả các xã, phường, thị trấn và huyện đảo Cồn Cỏ có Trưởng Thú y; đến năm 2012 các thôn, bản, khu phố có nhân viên Thú y.

Về giống cây trồng: Bảo đảm diện tích lúa nước được gieo trồng bằng giống xác nhận vào năm 2011 đạt 50% năm 2015 đạt 80% và năm 2020 đạt 100%; cơ cấu diện tích lúa nước sử dụng giống chất lượng cao năm 2015 đạt 15.000 ha và năm 2020 đạt 18.000- 20.000 ha. Đến năm 2015 diện tích sử dụng giống ngô mới đạt 70% và năm 2020 đạt 90%. Đến năm 2015 diện tích gieo trồng lạc sử dụng giống bảo đảm chất lượng đạt 80% và năm 2020 đạt 100%.

Về giống con nuôi: Đến 2010 đưa đàn bò lai được cải tiến giống đạt 28- 30% đến 2015 đạt 35- 38% và tỷ lệ đàn bò được cải tiến đạt 40- 45% vào năm 2020. Phấn đấu đưa đàn lợn thịt có tỷ lệ nhẹ vào năm 2010 đạt 35% tổng đàn, năm 2015 đạt 60%, năm 2020 đạt 80% và đảm bảo giống bố, mẹ đủ cung cấp cho các cơ sở sản xuất vào năm 2015;

Đến năm 2015 đáp ứng 100% nhu cầu giống cá truyền thống; 50- 60% các loại giống đặc sản có giá trị kinh tế. Đến năm 2015 đáp ứng 70- 80% nhu cầu giống tôm sú, giống cua biển và 40- 50% giống tôm thẻ chân trắng sản xuất tại chỗ, qua kiểm dịch đạt chất lượng theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

Về chăn nuôi: Đến năm 2010 đàn bò đạt 80.000- 82.000 con, năm 2020 ổn định đàn bò khoảng 120.000 con và tỷ lệ đàn bò được cải tiến đạt 40- 45%;

Đàn lợn đạt 250.000 con vào năm 2010, 300.000 con vào năm 2015 và 350.000- 400.000 con vào năm 2020;

Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 25.000 tấn vào năm 2010; 30.000 tấn vào năm 2015 và 35.000- 40.000 tấn năm 2020; đạt tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Xây dựng được hệ thống xử lý chất thải trong chăn nuôi; nâng cao tỷ lệ cơ sở chăn nuôi sử dụng năng lượng.tái tạo (Năng lượng khí sinh học từ chất thải chăn nuôi), đến năm 2010 tỷ lệ chuồng trại hợp vệ sinh đạt trên 50% và đạt 60% vào năm 2015, đạt 70- 75% vào năm 2020.

3. Một số chính sách tổ chức mạng lưới Thú y cơ sở; hỗ trợ, khuyến khích sản xuất một số giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản chủ lực và phát triển chăn nuôi:

a) Tổ chức mạng lưới Thú y cơ sở:

- Về số lượng Thú y cơ sở:

Mỗi xã, phường, thị trấn đều có mạng lưới Thú y cơ sở bao gồm Trưởng Thú y (Sau đây gọi là Trưởng Thú y xã) và các nhân viên Thú y cho mỗi thôn, bản, khu phố (Sau đây gọi là Thú y viên).

Trưởng Thú y xã, các Thú y viên do UBND xã, phường, thị trấn phối hợp với Trạm Thú y huyện, thị xã lựa chọn trên cơ sở điều kiện, tiêu chuẩn quy định, nằm trong hệ thống chuyên ngành Thú y của tỉnh, chịu sự quản lý trực tiếp của UBND xã,

phường, thị trấn và chịu sự giám sát, chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Trạm Thú y huyện, thị xã.

- Chế độ phụ cấp:

+ Đối với Trưởng Thú y xã:

Được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 1 so với mức lương tối thiểu theo quy định của Chính phủ từng thời kỳ và kinh phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (BHXH, BHYT) thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian thực hiện từ năm 2010.

+ Đối với Thú y viên:

Mức phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 0,3 so với mức lương tối thiểu theo quy định của Chính phủ từng thời kỳ. Thời gian thực hiện từ năm 2012.

b) Chính sách hỗ trợ, khuyến khích sản xuất một số giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực, giai đoạn 2010- 2015.

- Phạm vi, đối tượng và điều kiện để hưởng chính sách:

+ Các đơn vị nghiên cứu, sản xuất giống cây trông, vật nuôi của tỉnh;

+ Các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn tham gia sản xuất giống cây trồng, vật nuôi (Trừ doanh nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài);

+ Điều kiện để được hưởng chính sách: Các đối tượng có nhu cầu và đủ điều kiện để tham gia học tập, tiếp nhận, chuyển giao quy trình công nghệ sản xuất giống.

- Chính sách về đất đai, cơ sở hạ tầng:

+ Ngân sách tỉnh đầu tư để hỗ trợ cho cơ sở hạ tầng (Điện, thủy lợi nội vùng) đối với vùng quy hoạch sản xuất giống tập trung, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị sản xuất tại các cơ sở sản xuất giống thương mại trong tỉnh như chính sách thu hút đầu tư của tỉnh;

+ Ưu tiên cho những đơn vị, tổ chức, cá nhân và các thành phần kinh tế có đủ điều kiện về năng lực tài chính, chuyên môn kỹ thuật được thuê đất ổn định và được hưởng mức ưu đãi cao nhất về tiền thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành để tham gia phát triển sản xuất các giống cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh.

- Chính sách về hỗ trơ sản xuất giống:

Ngoài các chính sách đã được ban hành cho chương trình giống cây trồng, vật nuôi từ ngân sách Trung ương (Theo Thông tư liên tịch số 15/2007/TTLT-BTC-BNN&PTNT ngày 08/3/2007 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), trong giai đoạn 2010- 2015 ngân sách tỉnh đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất một số giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ yếu để phát triển mạnh vùng giống nhân dân với các nội dung cụ thể sau:

+ Giống cây trồng:

Giống lúa: Đối với chương trình nâng cấp xây dựng vùng giống nhân dân: Hỗ trợ 100% tiền mua giống nguyên chủng (80kg/1ha) để sản xuất ra giống cấp I đối với các giống lúa chủ lực, chiến lược, giống lúa chất lượng cao.

Giống lạc: Hỗ trợ 50% giá giống lạc cho chương trình nâng cấp giống lạc vụ Hè-Thu để chủ động được nguồn giống cung ứng cho vụ Đông- Xuân hàng năm.

Tập trung xây dựng vùng chuyên sản xuất giống lạc tại các huyện Hướng Hóa, Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Cam Lộ với diện tích hiện tại 100ha lên 350ha vào năm 2015.

Giống ngô: Hỗ trợ 30% giá giống đối với ngô lai mới để sản xuất hàng hóa; hỗ trợ 80% giá giống đối với vùng khó khăn (Thuộc Chương trình 135); hỗ trợ 100% giá giống đối với công tác khảo nghiệm các giống ngô phục vụ cho chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

+ Giống vật nuôi:

Hỗ trợ giống lợn:

Điều kiện hỗ trợ: Chăn nuôi lợn ông bà, bố mẹ (Giống lợn ngoại) 50 con trở lên đối với trang trại, 10 con trở lên đối với hộ gia đình:

Hỗ trợ lợn giống ông, bà cho cơ sở sản xuất giống, số lượng tối đa 100 con/năm, trọng lượng không quá 50kg/con; giống lợn bố mẹ số lượng tối đa 200 con/năm, trọng lượng không quá 30 kg/con. Mức hỗ trợ tối đa không quá 60% giá giống.

Hỗ trợ đực giống cho thụ tinh nhân tạo (TTNT) cho các cơ sở TTNT, số lượng tối đa 20 con/năm. Mức hỗ trợ không quá 40% giá giống.

Đối với chương trình phát triển đàn nái và đực giống ông, bà nuôi tại Trung tâm Giống để sản xuất con giống cho việc phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, thực hiện theo Quyết định số 2482/QĐ-UBND ngày 26/11/2007 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Chương trình Giống cây trồng vật nuôi giai đoạn 2007- 2010 với mức hỗ trợ 100% kinh phí mua thức ăn, thuốc thú y.

Giống bò lai Sind:

Hỗ trợ không quá 60% giá bán được thẩm định để đầu tư bò đực giống nhóm Zebu cung cấp giống tại chỗ cho các địa phương. Số lượng 20 con/năm.

Hỗ trợ 100% chi phí tinh, ni tơ và vật tư thụ tinh nhân tạo và 20.000 đồng công phối giống cho 01 bò cái có chửa đối với chương trình cải tạo đàn bò.

Giống thủy sản:

+ Hỗ trợ 100% giá giống cá bố, mẹ; giống cá hậu bị gốc thuần cho các cơ sở sản xuất giống trong tỉnh. Số lượng bình quân 125 kg cá giống/năm;

+ Hỗ trợ 100% kinh phí mua tôm giống bố, mẹ nhập khẩu để nâng cao chất lượng tôm giống. Số lượng 20 cặp/năm;

+ Hỗ trợ 100% kinh phí để thử nghiệm sản xuất giống mới, áp dụng quy trình kỹ thuật mới; nuôi khảo nghiệm giống mới; du nhập giống mới, bao gồm giống và chi phí khác;

+ Hỗ trợ không quá 30% giá giống để nuôi giống đặc sản ngọt, lợ; danh mục giống đặc sản được ban hành hàng năm.

- Chính sách về chuyển giao công nghệ:

+ Được hỗ trợ về đào tạo, tập huấn kỹ thuật, công nghệ, quy trình sản xuất giống, công tác quản lý giống cho cán bộ kỹ thuật, quản lý và người sản xuất giống;

+ Được hỗ trợ tiền vacxin tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho đàn gia súc trong vòng 5 năm đầu kể từ khi đi vào hoạt động. Được hỗ trợ kinh phí cho hoạt động giám định, bình tuyển, loại thải và thay thế đàn giống hàng năm.

c) Chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển chăn nuôi:

- Đối tương áp dụng:

Các doanh nghiệp, chủ trang trại, hộ gia đình, cá nhân, các HTX, tổ hợp tác (Nhà đầu tư) có cơ sơ sản xuất kinh doanh tại địa bàn tỉnh Quảng Trị hoạt động theo quy định của pháp luật đều được hưởng các chính sách ưu đãi này.

- Điều kiện, lĩnh vực được ưu đãi, hỗ trợ:

+ Chăn nuôi gia súc, gia cầm bao gồm: Chăn nuôi trang trại, gia trại, chăn nuôi hộ gia đình;

+ Lai tạo, cải tạo giống, nhân giống mới, đào tạo huấn luyện và chuyển giao tiến bộ mới về chăn nuôi thú y;

+ Sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (Cây thức ăn cho đại gia súc và các loại cây khác làm nguyên liệu thức ăn khác), sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi;

+ Cơ sở giết mổ tập trung, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi. - Quy mô chăn nuôi, giết mổ, chế biến, tiêu thụ được hỗ trợ:

+ Đối với chăn nuôi lợn ông, bà, bố mẹ (Giống lợn ngoại) quy mô tối thiểu 50 con nái trở lên đối với trang trại, 10 con trở lên đối với hộ gia đình;

+ Lợn nái sinh sản khác: Số gia súc có mặt thường xuyên tối thiểu 100 con trở lên; cơ sở chăn nuôi lợn đực giống phục vụ công tác thụ tinh nhân tạo 10 con trở lên;

+ Chăn nuôi lợn thịt: Số gia súc có mặt thường xuyên tối thiểu 100 con trở lên đối với trang trại, 50 con trở lên đối với hộ gia đình;

+ Chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt: Quy mô tối thiểu 50 con trở lên/trang trại;

+ Đối với hộ gia đình chăn nuôi bò: Quy mô tối thiểu có từ 20 con trở lên/hộ chăn nuôi (Chăn nuôi chăn dắt);

+ Chăn nuôi gia cầm sản xuất giống: 1.000 con trở lên;

+ Chăn nuôi gia cầm thương phẩm: Tối thiểu có mặt thường xuyên 2.000 con trở lên/hộ;

+ Đối với các trang trại nuôi các giống bản địa (Lợn Vân Pa, lợn rừng lai) có quy mô thường xuyên 50 con trở lên, riêng đà điểu 200 con trở lên đối với đà điểu sinh sản và 500 con trở lên đối với đà điểu thương phẩm (Trường hợp nuôi sinh sản kết hợp thương phẩm thì tính ngang với nuôi đà điểu thương phẩm);

+ Cơ sở giết mổ gia súc tập trung: Số lượng gia súc (Trâu, bò, tốn) tối thiểu 50 con/ngày đối với thị xã Đông Hà, 20 con/ngày đối với các huyện, thị xã khác.

- Chính sách đất đai: Các nhà đầu tư được ưu tiên thuê đất sử dụng ổn định lâu dài và được hưởng mức ưu đãi cao nhất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chính sách tín dụng: Áp dụng mức ưu đãi tối đa như mức hỗ trợ quy định tại Nghị định 106/2004/NĐ-CP ngày 01/4/2004 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 15/2007/TTLB-BTC-BNN&PTNT.

- Hỗ trợ về thực nghiệm, khảo nghiệm giống và cơ sở hạ tầng, thiết bị:

+ Đầu tư 100% con giống và chi phí khác để nuôi thử nghiệm, khảo nghiệm đối với giống vật nuôi trong nông nghiệp mới lần đầu vào Quảng Trị có năng suất, hiệu quả cao; đối với giống các loại cây thức gia súc được hỗ trợ 100% giá trị;

+ Đối với các vùng, khu chăn nuôi tập trung theo quy hoạch từ 10 ha trở lên đã được cấp có thẩm quyền đồng ý hoặc các trang trại chăn nuôi công nghiệp (1.000 lợn trở lên, 200 bò thịt trở lên) thì hỗ trợ tối đa không quá 40% công trình xử lý chất thải; 40% công trình giao thông, điện (Nhưng mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/khu chăn nuôi tập trung);

+ Xử lý chất thải chăn nuôi: Trang trại nuôi lợn, cơ sở giết mổ gia súc tập trung, cơ sở chăn nuôi đực giống phục vụ cho công tác thụ tinh nhân tạo được hỗ trợ tối đa không quá 60% giá trị thiết bị xây lắp xử lý chất thải. Đối với hộ chăn nuôi lợn được hỗ trợ tối đa không quá 40% giá trị thiết bị xây lắp xử lý chất thải;

+ Đối với các cơ sở chế biến thức ăn gia súc tận dụng các phế phụ phẩm nông nghiệp được hỗ trợ 100% giá trị thiết bị sau khi đi vào hoạt động, được các cơ quan chuyên môn thẩm định (Nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/cơ sở).

- Hỗ trợ về khoa học công nghệ, đào tạo kỹ thuật, quản lý:

+ Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các chủ đầu tư xây dựng hệ thống dịch vụ chăn nuôi thú y, hệ thống thu mua chế biến, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi; được hỗ trợ về đào tạo, tập huấn kỹ thuật ngắn hạn cho cán bộ kỹ thuật, quản lý và công nhân chăn nuôi;

+ Trang trại được hỗ trợ tiền vacxin tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho đàn gia súc trong vòng 5 năm đầu kể từ khi đi vào hoạt động (Danh mục bệnh nguy hiểm theo quy định của luật pháp về Thú y, hỗ trợ bằng vacxin thông qua Chi cục Thú y). Ngoài ra hàng năm hỗ trợ kinh phí cho hoạt động giám định, bình tuyển, loại thải và thay thế đàn giống.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND tỉnh cụ thể hóa hệ thống các giải pháp trong các đề án để tổ chức thực hiện mạng lưới Thú y cơ sở; Phát triển một số giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản chủ lực giai đoạn 2010- 2015, định hướng đến năm 2020 và Phát triển chăn nuôi giai đoạn năm 2010- 2015 trên địa bàn tỉnh. Chú trọng các giải pháp xã hội hóa để khuyến khích sự tham gia của người dân, các tổ chức, doanh nghiệp; kết hợp các nguồn vốn đầu tư từ các chương trình, dự án với nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương để tạo sức mạnh triển khai thực hiện hoàn thành mục tiêu của đề án.

Thường trực HĐND, các Ban HĐND và đại biểu HĐND tỉnh phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết đã được HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2009./.

CHỦ TỊCH

Lê Hữu Phúc